

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dung

Bà Lục Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 92/2025/QĐ-TA ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Thanh T, sinh ngày 26-3-1994. Căn cước công dân số 020194001*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 20-4-2021. Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang sinh sống tại: Ngõ 56, đường F, quận T, thành phố Tân Đài Bắc, Đài Loan (Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Văn S và ông Hoàng Trường G: Số 90 T, phường Y, Thành phố Hà Nội, trước đây là số 90 T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội); vắng mặt

- Bị đơn: Ông Dương Văn L, sinh ngày 21-11-1992. Căn cước công dân số 020092002*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp. Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản tự khai nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Dương Văn L chung sống vợ chồng cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 29-12-2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nay là xã B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên có quan điểm, lối sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Từ cuối năm 2023, bà Lý Thị Thanh T đã xuất cảnh sang Trung Quốc làm ăn và sau đó chuyển sang Đài Loan làm việc. Hiện bà Lý Thị Thanh T vẫn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài (Đài Loan), vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không có sự quan tâm đến nhau. Vì vậy, bà Lý Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn L. Trong quá trình chung sống bà và ông Dương Văn L có 01 con chung là cháu Dương Công B, sinh ngày 13-01-2015. Tuy nhiên, cháu Dương Công B đã chết vào ngày 25-5-2024 nên khi ly hôn xác định vợ chồng không còn con chung để giải quyết. Khi ly hôn bà Lý Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ ai. Do tính chất công việc, vị trí địa lý nên bà xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án ly hôn. Bà Lý Thị Thanh T xin chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Tại Văn bản số 154/CAX ngày 26-6-2025 về việc cung cấp thông tin công dân theo Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn của Công an xã X, tỉnh Lạng Sơn có nội dung: Bà Vi Thị H là mẹ đẻ của ông Dương Văn L cung cấp thông tin: Từ tháng 01-2025 đến nay ông Dương Văn L không ở địa phương, gia đình không biết địa chỉ cụ thể nơi ông Dương Văn L đến. Tuy nhiên, thì thoảng ông Dương Văn L có liên lạc với bà Vi Thị H qua điện thoại và bà Vi Thị H được ông Dương Văn L cho biết hiện ông Dương Văn L đang ở Campuchia.

Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ra các Thông báo số 05/TB-TA ngày 02-7-2025, Thông báo số 06/TB-TA ngày 14-7-2025 và Thông báo số 07/TB-TA ngày 25-7-2025 yêu cầu bà Vi Thị H cung cấp địa chỉ của bị đơn ông Dương Văn L hiện nay cho Tòa án, yêu cầu thông báo cho bị đơn về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn, thông báo cho bị đơn về các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến cho bị đơn ... nhưng bà Vi Thị H cũng không cung cấp địa chỉ của bị đơn cũng như không có Thông tin, ý kiến gì đối với yêu cầu của Tòa án đưa ra tại các Thông báo đó. Bị đơn cũng không có ý kiến bằng văn bản hoặc phản hồi gì về việc xin ly hôn của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo luật định; nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T được ly hôn với ông Dương Văn L. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14, buộc nguyên đơn chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: Trường hợp qua người thân thích của bị đơn có căn cứ xác định họ có liên hệ với người thân thích ở trong nước nhưng người thân thích của họ không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Trường hợp Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà người thân thích của họ không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì Tòa án tiếp tục giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Tại Văn bản số 154/CAX ngày 26-6-2025 về việc cung cấp thông tin công dân theo Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn của Công an xã X, tỉnh Lạng Sơn có nội dung: Bà Vi Thị H là mẹ đẻ của ông Dương Văn L cung cấp thông tin: Từ tháng 01-2025 đến nay ông Dương Văn L không ở địa phương, gia đình không biết địa chỉ cụ thể nơi ông Dương Văn L đến. Tuy nhiên thì thoả ông Dương Văn L có liên lạc với bà Vi Thị H qua điện thoại và bà Vi Thị H được ông Dương Văn L cho biết hiện ông Dương Văn L đang ở Campuchia.

[3] Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ra nhiều các Thông báo yêu cầu bà Vi Thị H cung cấp địa chỉ hiện nay của bị đơn ông Dương Văn L cho Tòa án, yêu cầu thông báo cho bị đơn về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn, thông báo cho bị đơn về các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến cho bị đơn ... nhưng bà Vi Thị H cũng không cung cấp địa chỉ của bị đơn cũng như không có Thông tin, ý kiến gì đối với yêu cầu của Tòa án. Bị đơn cũng không có ý kiến bằng văn bản hoặc phản hồi gì về việc xin ly hôn của nguyên đơn. Như vậy, có đủ căn cứ xác định người thân thích của bị đơn không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Trường hợp Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà người thân thích của họ không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì Tòa án tiếp tục giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[4] Phiên tòa đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[5] Nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T và bị đơn ông Dương Văn L chung sống vợ chồng cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 29-12-2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có quan điểm, lối sống khác biệt nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Từ cuối năm 2023, nguyên đơn đã xuất cảnh sang Trung Quốc làm ăn và sau đó chuyển sang Đài Loan làm việc. Hiện nguyên đơn vẫn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài (Đài Loan), vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không có sự quan tâm đến nhau. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về việc giải quyết vụ án, thể hiện bị đơn cũng không còn có tình cảm vợ chồng với nguyên đơn. Như vậy quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn là không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[6] Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung, đó là cháu Dương Công B, sinh ngày 13-01-2015. Tuy nhiên, cháu Dương Công B đã chết vào ngày 25-5-2024, thể hiện tại Trích lục khai tử số 44/TLKT-BS ngày 29-4-2025 của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nên hiện xác định bà Lý Thị Thanh T và ông Dương Văn L không có con chung để phải xem xét, giải quyết.

[7] Khi ly hôn nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; bị đơn không có ý kiến phản hồi nên tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự.

[8] Khi ly hôn nguyên đơn xác định vợ chồng không có nợ ai; bị đơn không có ý kiến phản hồi nên xác định không có nợ ai.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, xác định nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí.

[10] Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T được ly hôn với bị đơn ông Dương Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2014 ngày 29-12-2014 của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngày 02-6-2025, bà Lý Thị Thanh T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006163 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bà Lý Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-;
- Lưu: HS vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP; .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa